Khoa Ph▯ S▯n -▯

I. Khám s▯c kh▯e ti▯n hôn nhân là gì?

Khám s▯c kh▯e tr▯▯c khi b▯▯c vào cu▯c s▯ng hôn nhân mang nhi▯u ý nghĩa quan tr▯ng đ▯i v▯i các c▯p đôi. Tuy nhiên, có khá nhi▯u c▯p đôi ch▯a hi▯u h▯t v▯ khám tr▯▯c hôn nhân là gì, quy trình khám di▯n ra nh▯ th▯ nào và c▯n ph▯i l▯u ý nh▯ng gì đ▯ có đ▯▯c k▯t qu▯ chính xác nh▯t.

Khám ti▯n hôn nhân giúp đánh giá s▯c kh▯e t▯ng quát và s▯c kh▯e sinh s▯n cho các c▯p đôi, nh▯m chu▯n b▯ b▯▯c vào cu▯c s▯ng hôn nhân h▯nh phúc v▯i s▯c kh▯e toàn di▯n và nh▯ng đ▯a con sinh ra kh▯e m▯nh. Bên c▯nh đó, nh▯ng đ▯i t▯▯ng đang trong đ▯ tu▯i sinh s▯n cũng có th▯ l▯a ch▯n gói khám này, trong đó bao g▯m c▯ nh▯ng ng▯▯i l▯n h▯n 30 tu▯i nh▯ng ch▯a t▯ng k▯t hôn. Đây là cách giúp b▯n hi▯u rõ h▯n v▯ s▯c kh▯e c▯a mình và có s▯ chu▯n b▯ t▯t nh▯t cho t▯▯ng lai.

Chuyên gia khuy▯n cáo nên khám s▯c kh▯e ti▯n hôn nhân t▯i thi▯u t▯ 3 đ▯n 6 tháng tr▯▯c khi k▯t hôn. Vi▯c khám s▯c kh▯e tr▯▯c khi l▯p gia đình đ▯▯c đánh giá là vi▯c làm văn minh c▯a gi▯i tr▯ th▯i hi▯n đ▯i. Nó có th▯ mang l▯i nh▯ng l▯i ích thi▯t th▯c.

II. Th▯c tr▯ng c▯a khám s▯c kho▯ ti▯n hôn nhân t▯i Vi▯t Nam

▯ các n▯▯c phát tri▯n, khám s▯c kh▯e ti▯n hôn nhân là m▯t vi▯c làm b▯t bu▯c. B▯i đây là m▯t vi▯c làm mang l▯i l▯i ích l▯n không ch▯ v▯ s▯c kh▯e sinh s▯n nói riêng mà còn c▯ th▯ ch▯t l▯n tinh th▯n cho cu▯c s▯ng hôn nhân c▯a các c▯p v▯ ch▯ng t▯▯ng lai.

T▯i Vi▯t Nam, các văn b▯n pháp lý hi▯n nay nh▯ Lu▯t Hôn nhân và gia đình 2014, ngh▯ đ▯nh c▯a Chính ph▯ đ▯u không quy đ▯nh b▯t bu▯c khám s▯c kh▯e tr▯▯c khi k▯t hôn.

Viết bởi Biên tập viên
Thứ hai, 05 Tháng 2 2024 10:46 - Lần cập nhật cuối Thứ hai, 05 Tháng 2 2024 10:57

Kết quả một khảo sát về nhu cầu của thanh niên trên địa bàn đối với việc khám sức khỏe tiền hôn nhân được tiến hành đầu năm 2023 cho thấy nhiều thanh niên thực sự chưa quan tâm đến vấn đề này. Trên thực tế, nhiều người lâu nay vẫn còn tâm lý e ngại khám sức khỏe trước khi kết hôn, do sợ nếu phát hiện bệnh sẽ ảnh hưởng đến hạnh phúc lứa đôi, thậm chí có người còn cho là chỉ nghi ngờ nhau mới phải khám, ngại cả chi phí của việc thăm khám, tham gia tư vấn sức khoẻ trước khi kết hôn.

Một trong những nhận định của nghiên cứu này cho rằng cần phải chú trọng công tác truyền thông đi đôi với công tác tư vấn, cung cấp thông tin về lợi ích của việc khám sức khỏe tiền hôn nhân. Đây là những việc rất cần thiết, để giúp phòng ngừa, phát hiện và điều trị sớm nhiều căn bệnh nguy hiểm, tránh được các hệ lụy không đáng có trong cuộc sống vợ chồng và tương lai của con cái sau này.

III. Lợi ích của khám sức khoẻ tiền hôn nhân?

1. Trang bị kiến thức sinh hoạt vợ chồng nhất là về chuyện chăn gối- tiến tới hòa hợp tình dục – nền tảng quan trọng của một cuộc hôn nhân hạnh phúc
2. Tầm soát các bệnh truyền nhiễm nhằm hạn chế lây truyền cho bạn đời và con cái
3. Phát hiện sớm các bệnh lý sinh sản, khắc phục sớm tạo tiền đề cho sự ra đời của những em bé khỏe mạnh sau này
4. Phát hiện các bệnh di truyền, có thể truyền cho thế hệ tiếp theo
5. Thể hiện trách nhiệm của bản thân với bạn đời, giúp bảo vệ bạn đời cũng như hôn nhân tránh khỏi những rủi ro, sứt mẻ không đáng có sau này.

IV. Khám sức khỏe tiền hôn nhân gồm những gì?

Thông thường, khi khám sức khỏe tiền hôn nhân, các bác sĩ sẽ thực hiện các bước kiểm tra sức khỏe:

1. Kiểm tra sức khỏe chung: mạch huyết áp, cân nặng, chiều cao, thể lực, các xét nghiệm máu, nước tiểu, siêu âm bụng…
2. Khám bệnh lây nhiễm qua đường tình dục: lậu, giang mai, hạ cam mềm, viên gan siêu vi B, sùi mào gà, nấm…
3. Xem xét tiền sử bệnh của cả vợ và chồng: đã mắc các bệnh nào trước đây, đã có những phẫu thuật nào, tim mạch, mắc bệnh truyền nhiễm, môi trường làm việc có tiếp xúc chất độc hại, các tai nạn, thương tích…

4. B□nh s□ gia đình, b□nh v□ r□i lo□n tâm th□n: ng□□i thân trong gia đình m□c nh□ng b□nh gì? Cao huy□t áp, tim m□ch…
5. B□nh di truy□n nh□: h□i ch□ng Down, câm đi□c b□m sinh, ung th□, r□i lo□n đông máu, tan máu b□m sinh (thalassemia)…
6. B□nh truy□n nhi□m: b□nh s□i, th□y đ□u, rubella, s□t xu□t huy□t, b□nh cúm, viêm não, b□nh lao, d□ch t□, tiêu ch□y…

STT	NỘI DUNG KHÁM	GHI CHÚ
A. Đo mạch nhiệt, huyết áp, chỉ số BMI (cân nặng, chiều cao)		
B. Khám lâm sàng		
1	Khám Nội tổng quát	Nam/ Nữ
2	Khám Phụ khoa	Nữ
3	Khám Tuyến vú	Nữ
C. Xét nghiệm máu		
4	Định nhóm máu ABO, Rh (D)	Nam/ Nữ
5	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Nam/ Nữ
6	Đo hoạt độ ALT (GPT)	Nam/ Nữ
7	Đo hoạt độ AST (GOT)	Nam/ Nữ
8	Đo hoạt độ GGT	Nam/ Nữ
9	HBsAg miễn dịch tự động	Nam/ Nữ
10	HBsAb định lượng	Nam/ Nữ
11	HCV Ab định lượng	Nam/ Nữ
12	VDRL định lượng	Nam/ Nữ
13	HIV Ab miễn dịch tự động	Nam/ Nữ
14	Rubella virus IgG miễn dịch tự động	Nam/ Nữ
15	Rubella virus IgM miễn dịch tự động	Nam/ Nữ
16	Định lượng Ure	Nam/ Nữ
17	Định lượng Creatinine, GFR	Nam/ Nữ
18	Định lượng Glucose	Nam/ Nữ
19	Định lượng HbA1c	Nam/ Nữ
20	Định lượng Acid uric	Nam/ Nữ
21	Định lượng Triglycerid	Nam/ Nữ

22	Định lượng Cholesterol toàn phần	Nam/ Nữ
23	Định lượng HDL- C (High-density lipoprotein cholesterol)	Nam/ Nữ
24	Định lượng LDL- C (Low -density lipoprotein cholesterol)	Nam/ Nữ
25	Định lượng FT4 (Free Thyroxine)	Nam/ Nữ
26	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating Hormone)	Nam/ Nữ
D. Xét nghiệm nước tiểu		
27	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	Nam/ Nữ
E. Chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng		
28	Điện tim thường (ECG)	Nam/ Nữ
29	Chụp X- quang Ngực thẳng số hóa 1 phim	Nam/ Nữ
30	Siêu âm bụng tổng quát	Nam/ Nữ
31	Siêu âm tuyến giáp	Nam/ Nữ
32	Siêu âm tuyến vú hai bên	Nữ
F. Phân tích kết quả cận lâm sàng, tổng hợp tư vấn và kê toa thuốc (nếu cần)		

V. Nh[illegible] khi đi khám

[illegible]